

Những Văn Nghệ Sĩ Can Trường



Nạn Búa Liềm

Nền văn học nghệ thuật nhân bản của đất nước trong nhiều năm qua đã ghi nhận công lao đóng góp của biết bao văn thi sĩ can trường, sẵn sàng xả thân cho quê hương, cho chính nghĩa, cho “Tự do - Dân chủ - Nhân quyền.”

Người còn sống, người đã khuất. Hàng ngàn hàng vạn tấm gương đáng vinh danh, không sao kể hết trong phạm vi một bài viết ngắn.

Nơi đây chỉ xin nhắc đến vài tên tuổi tiêu biểu. Ước mong quý độc giả cùng chia sẻ niềm vui khi biết rằng trên văn thi đàn đã và vẫn còn lắm người ngày đêm mãi mê lo cho vận nước.

1. Nhà Văn Hoàng Hải Thủy (1933 - 2020)

Nhà Văn Hoàng Hải Thủy lấy nhiều bút hiệu khác nhau: Hoàng Hải Thủy, Công Tử Hà Đông, Con Trai Bà Cả Đợi...

Bị 8 năm tù vì tội gởi bài ra nước ngoài (?)

Sang Mỹ năm 1994 theo diện tù nhân chính trị.

"Viết để sống và sống để viết" từ 1951 đến 2017 - 66 năm. Có thể nói Ông viết lâu hơn bất cứ nhà văn, nhà thơ nào mà chúng ta được biết.

Sáng tác nhiều thể loại: phóng tác - viết truyện: 60 tác phẩm, làm báo, dịch sách, hồi ký, tạp ghi - tự truyện - phiếm luận: hơn 700 bài.

Được coi là ngòi bút Phóng tác và Phiếm luận số 1 của Việt Nam.

** Việt Vancouver có bài "Tin về Nhà Văn Hoàng Hải Thủy":*

"Nếu Trường Kỳ có công giới thiệu nhạc trẻ Anh - Pháp với tuổi trẻ miền Nam thập niên 60 thì Hoàng Hải Thủy có công giới thiệu tiểu thuyết Anh - Mỹ với độc giả vào

thời kỳ ít người Việt biết tiếng Anh, internet chưa có và không thể mua tiểu thuyết Anh ngữ ở tiệm sách.

Về Phiếm luận, Hoàng Hải Thủy viết với giọng Bắc 54 cực kỳ duyên dáng, dí dỏm, chen lẫn khôi hài, châm biếm, đọc xong người ta luôn có nụ cười sáng khoáy, thú vị. Về Hồi ký, trí nhớ tỉ mỉ, chi tiết phi thường của ông về những chuyện xảy ra từ 50, 60 năm trước khiến độc giả phải kinh ngạc.”

Từ Rừng Phong, khi tuổi đời đã "bảy bó lẻ mấy que," Hoàng Hải Thủy vẽ lại chân dung mình:

"Trong trí nhớ của tôi nay vẫn còn nguyên hình ảnh chàng phóng viên lãng tử của nhật báo Saigon năm xưa - năm 1960 - chàng phóng viên ăn diện đúng 'mode Italie': sơ mi hai túi ngực, hai cây bút bi Parker cắm ở túi áo, một bút mực đen, một bút mực đỏ, đồng hồ 'internamatic' mua ở Bangkok, quần 'sanspli,' giày 'mocassin' của Trinh's Shoes Tự Do giá 500 đồng một đôi, trong túi áo có bao thuốc điếu 'Lucky Strike' hay 'Philip Morris' Vàng, quạt máy 'Dupont' trắng dẹt ở túi đựng bật lửa nơi lưng quần."

* Theo Nhà Văn Duyên Anh (trong "Hồi Ký Nhà Tù"):

"Có nhiều nhà văn, nhà thơ mà khi diện kiến họ, bạn sẽ thất vọng, nhưng với Hoàng Hải Thủy thì không. Ông nhìn đẹp trai, bảnh bao, lịch sự, ăn diện nhất trong số các nhà văn Việt Nam.

Hoàng Hải Thủy là tấm gương lớn cho những người tự học. Tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Tàu đều tự học. Rồi dịch và phóng tác truyện Pháp, truyện Anh, truyện Tàu. Hoàng Hải Thủy đi lính trước 54, cấp bậc Trung sĩ coi tù ở Phú Quốc. Từng viết thư giùm một tù binh cộng sản gửi vào đất liền cho vợ. Hơn 20 năm sau, anh này về làm chủ nhật báo Giải Phóng. Gặp lại Hoàng Hải Thủy, anh bảo chôn hết tên Hoàng Hải Thủy đi rồi viết cho cách mạng.

- 'Bút hiệu gắn liền với đời sống của tôi. Hoặc tôi viết ký Hoàng Hải Thủy, hoặc tôi không bao giờ viết nữa.'

Đó là câu trả lời quyết liệt của Hoàng Hải Thủy trong tiệc rượu tái ngộ cố nhân."

* Nhà Văn Vương Trùng Dương ghi lại ("Nhà Văn Hoàng Hải Thủy vĩnh biệt Rừng Phong," Việt Báo 8.12.20):

"Ngày mới đến Mỹ, Hoàng Hải Thủy nói: 'Tôi mang Saigon trong trái tim tôi.' Tôi muốn nói tôi yêu Saigon, tôi từng sống đến 40 năm trong lòng thành phố Saigon thương yêu. Tôi đã vui buồn, đau khổ với Saigon.

Đi xa, ông viết nhiều bài nói lên nỗi nhớ Saigon hơn Hà Nội vì nơi đó đã tạo nên sự nghiệp cầm bút của ông và nhớ cả tháng ngày đen tối nhất cuộc đời qua 8 năm tù tội. Ông nhớ thương Saigon đến vỡ tim, xé gan, cháy lòng, đứt ruột như nhớ thương người đàn bà mình yêu, mình từng sống hạnh phúc bên nàng mà nay phải xa cách."

* Trả lời nhà báo ETC (Etcetera, Việt weekly 30.9.05):

"- Qua tới Mỹ, Ông còn kiêng kỵ gì nữa không?

- Không, không kiêng kỵ gì cả, tôi muốn viết gì cũng được.

Tất nhiên là viết theo lẽ phải. Qua tới đây, tôi còn sợ gì nữa. Tôi viết văn thơ, tôi phê bình những chuyện chướng tai gai mắt, chỉ trích những ai ca tụng cộng sản, đòi bỏ qua tội ác của chúng hoặc về cộng tác với họ.

Theo tôi, chủ nghĩa cộng sản đã sụp đổ, tượng Lenin đã bị tròng cổ kéo ra bãi rác, đảng viên ở các nước Đông Âu bị lôi cổ ra tát, nhổ nước bọt, đá đít đuổi đi. Ở nước ta,

bọn cộng sản không còn là cộng sản nữa, nhưng tôi vẫn gọi họ là cộng sản bởi chế độ này giữ nguyên những sự ác ôn, ngu xuẩn, tàn bạo... Vì thế, cộng sản là xấu, phải chống.”

* Tù Nhân Chính Trị Nguyễn Văn Tới ("Nhớ về Nhà Văn Hoàng Hải Thủy," Gia Đình Khóa 1/ Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Học Viện CSQG); từng ở tù và học trò môn Anh Văn của Hoàng Hải Thủy tại Chí Hòa.

"Sống gần Bố Thủy mới biết Ông là người dễ mến, hiền lành, dễ gần, thẳng tính, vui vẻ, hòa đồng, không kên kiệu, không nói xấu ai, sống rất thật với con người và bản chất của một văn nghệ sĩ chân chính, giữ được khí tiết của người viết văn."

* Bài viết của bà Lê Thị Huệ, chủ bút "Gió – O" Blog:

"Hoàng Hải Thủy là nhà văn 'đắt giá.' Ông đã từng và đang là nhà văn được các báo Việt Nam lấy làm may mắn khi Ông nhận lời gởi bài. Lý do là Ông có nhiều độc giả. Họ phải trả nhuận bút mới có bài của Ông."

Bà Lê Thị Huệ từng hỏi:

"Bây giờ ở trên blog Hoàng Hải Thủy.wordpress, Ông chống Cộng và chống nhiều thứ kịch liệt. Ông nghĩ gì khi làm những chuyện như thế ở thời điểm này? Để làm gì? - Vì tôi thấy có bốn phận phải làm những việc đó."

Ngoài viết văn, Hoàng Hải Thủy còn làm thơ. Xin trích một bài tiêu biểu:

BUỒN 1977

Như cánh lá vàng sau trận cuồng phong
Anh rạt về đây, xóm hẹp, người đông
Nhà anh, nhà em cách hai thước ngõ
Những chiều mưa buồn nước ngập như sông
Anh đứng vỗ vạt sau khung cửa sổ
Như người tù nhìn trời qua trăn song
Anh đứng moi mòn bên dàn ván gỗ,
Như người chinh phụ ôm con đợi trông
Anh đứng trông mây, em đứng trông chồng
Mất chồng, con bé, con bông em mang
Cái bóng là cái bóng bang
Mẹ bóng yêu bóng bóng càng làm thơ
Tiếng ru hờ, tiếng khóc ơ,
Vương trên khung cửa bây giờ tang thương
Đìu hiu cuối ngõ, cùng đường,
Bên anh tuyệt vọng, đoạn trường bên em
Ngày lại ngày, đêm lại đêm,
Ngày rơi tàn tạ, đêm chìm phôi pha
Buồn từ trong cửa buồn ra
Buồn từ ngã bảy, ngã ba buồn về
Ta đang sống, ta đang mê
Hay ta đang chết nảo nề, em ơi!

2.Linh Mục Nguyễn Hữu Lễ (1943 - ...)

Trước 75, Linh Mục Nguyễn Hữu Lễ từng là Phó Xứ các họ đạo ở miền Tây hơn 5 năm.

1976, bị bắt vì tội chống chế độ.

Linh Mục từng phát biểu:

"Tôi không chấp nhận sống trong chế độ cộng sản, vì chủ trương vô thần và sự cai trị độc tài, tước đoạt hết các quyền căn bản của nhân dân. Nếu có điều kiện, tôi sẽ chống lại, nếu yếu thế hơn, tôi sẽ trốn chạy, nhưng dứt khoát không đầu hàng. Tôi tin rằng chế độ này không thể mang lại hạnh phúc cho dân tộc."

Bị đưa ra Bắc. Chủ mưu cướp Tàu Sông Hương trên hành trình từ Tân Cảng ra Hải Phòng.

1977, bị đày lên trại Quyết Tiến, chỉ cách biên giới Trung quốc 10 km. Bị cách ly ở khu kiên giam cùng 5 bạn tù khác. Trại này nổi danh với tên là trại "Cổng Trời" vì nằm ở cao độ 2.500 m so với mực nước biển - cao gần đụng trời. Thêm nữa, đây là trại trừng giới dành cho tù nhân thuộc diện bất trị, chỉ cần lên đó một thời gian là phải... về trời. Ít ai sống sót vì sự giam giữ khắc nghiệt của cán bộ, cùng với khí hậu lạnh thấu xương.

Tình huống này được diễn tả qua tâm trạng của một thi nhân gửi cho người em gái ở quê nhà:

Phương ấy chẳng biết trời có lạnh
Anh ở phương này lạnh buốt xương

Tại đây, Linh Mục Nguyễn Hữu Lễ đã gặp "Người Tù Kiệt Xuất" - Đại Úy Biệt Kích Nguyễn Hữu Luyện.

Hai yếu tố chính hành hạ tù nhân là đói và rét. Nhà giam xây tường bằng đá. Về đêm hơi ẩm tỏa ra biến buồng giam thành tủ lạnh. Tù nhân phải nằm co ro trong đó. Thêm nữa là đói. Không bao giờ được ăn no một bữa. Đói rét như cặp bài trùng, như hai hung thần tranh nhau hành hạ cấu xé da thịt xanh xao của đám tù khốn khổ.

Một bữa rời khu kiên giam đi gặp trại trưởng, tay chân Linh Mục Lễ hoàn toàn tê cóng. Muốn đưa ra bưng chén trà nóng uống cho ấm bụng nhưng không thể với tới vì cơn lạnh làm tay chân run rẩy, hai hàm răng đánh lập cập chẳng nói nên lời. Cả ngày đêm lúc nào cũng quán chấn vào người.

Mùa đông luôn luôn dưới 0°C, mặt nước hồ đóng váng, không ai dám tắm, chỉ lau mình.

Trại Cổng Trời đúng là nơi chốn Tử Địa, Thần Chết chờ chực tha đi bất cứ lúc nào. May thay, giữa năm 1978, Trung quốc chuẩn bị gây chiến. Nhờ vậy mà tù nhân được chuyển về Thanh Cẩm, Thanh Hóa.

Với ý chí vượt thoát. Linh Mục Nguyễn Hữu Lễ quyết tìm đường trốn trại với 4 bạn tù tâm giao khác. Chẳng may cơ sự bất thành, bị bắt lại. Tất cả chịu những đòn thù.

Hôm ấy, tên trật tự Bùi Đình Thi nhẩy chồm tới vỗ lấy anh Tiếp (Thiếu Tá Phi Công), hấn dùng hai tay túm lấy một tay anh kéo lên, rồi dùng gót chân dậm điên cuồng vùng ngực và bụng, giữa tiếng chửi rủa cổ võ của đám đông cán bộ vây quanh.

Không chịu nổi cú đòn hiểm độc này, anh Tiếp kêu lên thật to: "Chắc con chết mất Mẹ ơi!"

Anh Lâm Thành Văn (Phục Quốc) thì Thi bỏ đói cho đến chết. Còn Đại Tá Trịnh Tiểu và Giáo Sư Nguyễn Sĩ Thuyên bị đánh đập tàn nhẫn.

Riêng Linh Mục Nguyễn Hữu Lễ bị Thi và cán bộ thay nhau đấm đá túi bụi khiến Ông ngã quỵ xuống đất, miệng lảm bảm khẩn nguyện: "Lạy Chúa, xin Người nhận lấy linh hồn con."

Linh Mục nằm chờ chết. Bỗng dưng bản năng sinh tồn trỗi dậy một cách mãnh liệt. Như có sức thiêng trợ giúp, Ông bật vùng dậy, nhào lên như con sư tử bị thương, lấy hết tinh lực, húc mạnh vào Thi làm hắn té nhào. Rồi vọt chạy vào buồng giam, nhanh như con thỏ, phóng lên bệ nằm, hai tay vô lấy móng cùm bằng sắt nặng hơn 1.5 kg, đứng trên bệ xi măng cao giờ lên thủ thế, quyết thí mạng, Thi khựng lại ngay trước cửa cách chừng 2 m. Ngài trợn mắt hét to qua hơi thở gần tắt nghẹn:

- Bùi Đình Thi! Mày đã dồn tao vào bước đường cùng. Bữa nay tao đổi mạng với mày. Mày vô đây! Vô đây!

Dù đang điên tiết vì vô hụt con môi đã bị thương, nhưng không dám bước tới. Hắn nghiến răng nghe ken két, giơ thẳng tay chỉ vào mặt Linh Mục: "ĐM mày Lễ! Tao gi-é-é-é-é-t mày!" May thay, chính cái móng cùm đã cứu mạng Ngài. Viên cán bộ vừa đi tới, có vẻ hài lòng thấy hai tên tù đang chực chờ giết nhau. Nếu anh ta biết hai tù nhân này là một giáo dân và một linh mục, chắc anh càng vui sướng hơn. Y ra lệnh cho Thi:

- Cùm cổ nó lại!

Thấy Thi bước vào, Linh Mục nói:

- Báo cáo cán bộ. Tôi không vào cùm. Nếu bị cùm, anh Thi sẽ đánh tôi chết.

- Tôi bảo anh vào cùm!

- Nhưng cán bộ có bảo đảm là anh Thi không đánh tôi?

- Tôi bảo đảm!

Linh Mục Nguyễn Hữu Lễ nói:

"Lần đó tôi mới hiểu và cảm nhận được một loại sức mạnh của ý chí mà người ta thường gọi là bản năng sinh tồn - vốn là một bí mật của sinh vật, chỉ được khơi dậy khi sinh vật đó bỏ tay, không có phương cách gì khác để bảo vệ sự sống còn."

Sau 13 năm tù. Một hôm có viên sĩ quan an ninh hỏi:

- Anh Lễ, anh nghĩ thế nào về chủ nghĩa cộng sản?

- Nói thật lòng, tôi nghĩ là chế độ này không thể tồn tại được ông ạ!

- Anh căn cứ vào đâu mà nghĩ như thế?

- Chủ nghĩa cộng sản chủ trương đi ngược lại với bản chất tự nhiên của con người là nhu cầu chiếm hữu cũng đủ nói lên điều tôi khẳng định.

Viên sĩ quan trầm ngâm một lúc rồi nói vừa đủ hai người nghe:

- Anh Lễ, anh hãy giữ suy nghĩ đó trong lòng và đừng nói ra. Tôi cũng nghĩ như anh nhưng anh biết hoàn cảnh tôi, sinh ra và lớn lên trong chế độ. Anh Lễ, vì quý anh, nên tôi thành thật khuyên anh là khi nào được về, anh hãy tìm cách ra khỏi nước mà sống.

Ở tù càng lâu, Linh Mục càng tạo được mối dây liên lạc gần gũi với một số cán bộ trại như Trung Úy T, nhờ Linh Mục dạy Anh Văn. Một người nữa là cô KT, cán bộ tài

vụ, người đã rom róm nước mắt vẫy tay từ biệt Ngài nhân ngày được thả ra khỏi tù với lời nhắn nhủ trong giây phút chia ly: "Đừng quên viết thư về cho em." Linh Mục nhận thấy rõ rệt là khoảng cách lẫn ranh do ý thức hệ tạo ra càng lúc càng thu hẹp lại và lu mờ dần.

Điều này càng củng cố lý luận của Ông, chỉ vì chủ nghĩa ngoại lai mà dân tộc Việt Nam bị phân ly, nhìn nhau như kẻ thù. Trong thực tế, dân tộc Việt Nam là một, chẳng vì lý do gì phải chia rẽ, hờn căm, chém giết nhau.

Tháng 6.88 được tha về. Quay lại nhìn trại Nam Hà lần cuối, Linh Mục buộc miệng: "Thời gian qua mau! Mới ngày nào mình ngõ ngàng trên chuyến xe từ Hải Phòng đến đây trong đêm sương mù giá lạnh, mà bây giờ đã gần 12 năm! Đời người như một giấc chiêm bao!"

Kết thúc quãng đời tù, Linh Mục Nguyễn Hữu Lễ đưa ra nhận định: "Lòng nhân đạo của con người thì có giới hạn nhưng sự ác độc thì vô tận! Nhất là khi sự ác độc đó được khuyến khích cổ vũ bởi chế độ phi nhân bạo tàn như cộng sản Việt Nam."

Ra tù, Linh Mục Nguyễn Hữu Lễ vượt biên rồi định cư ở Tân Tây Lan. Còn Bùi Đình Thi tới Mỹ theo diện H.O. (?) Nhưng đến 2005, Thi bị Bộ Di Trú trục xuất qua Marshalls Island theo phán quyết: "Bùi Đình Thi đã vi phạm nhân quyền của nhiều người tù chính trị trong trại cải tạo cộng sản sau 1975."

Năm 2003, Linh Mục Nguyễn Hữu Lễ phát hành bút ký "Tôi Phải Sống," với sự hoan hỷ giúp sức của hàng trăm thân hữu.

- Lời Giới Thiệu của Nguyễn Cao Quyền ngày 20.6.2003
(baovecovang.wordpress.com):

"Thụ phong Linh Mục năm 1970. Sau 75, bị cuốn vào vòng lao lý. Lê gót chân hết nhà tù này đến trại giam khác từ Nam chí Bắc để chịu kiếp đọa đày mà những người cộng sản nhân tâm áp đặt đối với đồng bào ruột thịt.

Một phần bút ký tả lại khung cảnh hãi hùng của 13 năm tù ngục. Vì tiếp giáp với thần chết trong suốt thời gian cơ cực ấy nên tác giả đã nêu quyết tâm phải tồn tại để làm nhân chứng sống cho một giai đoạn cực kỳ thảm thương của đất nước, và để thay đổi quan điểm sai lầm của một phần dân tộc về cái chủ nghĩa ngoại lai đã lỗi thời đáng vứt vào sọt rác của lịch sử.

- Tâm tư của Linh Mục Nguyễn Hữu Lễ tại buổi phát hành "Tôi Phải Sống" ở Brisbane (Việt Báo 26.1.04): Tôi đến đây là để chia xẻ cùng với quý vị cái đau chung của Tổ Quốc, cái nhục chung của đồng bào. Ngoài thiên chức của một Linh Mục, tôi vẫn là một người Việt Nam, luôn luôn sát cánh cùng mọi người trong nỗ lực phục hồi nhân quyền, dân chủ và tự do tôn giáo cho đất nước.

- Bài viết của Nhà Văn Huy Phương nhân dịp tái bản "Tôi Phải Sống" (Người Việt 19.11.13):

" 'Tôi Phải Sống' được xem là một trong các cuốn sách bán chạy nhất tại hải ngoại vào những năm 2002 - 2004 với hơn 17.000 ấn bản đã bán sạch. Do nhu cầu muốn mua Bút Ký này của rất đông độc giả, Linh Mục Nguyễn Hữu Lễ sẽ cho tái bản lần

thứ ba vào cuối tháng 11.13 với phần bổ sung cho những thiếu sót và lược bỏ vài chỗ không cần thiết.”

Tuy bận rộn vì công việc bận bịu, Linh Mục vẫn tiếp tục tranh đấu cho quê hương. Một trong những thao thức của Ông là khởi xướng “Phong Trào Quốc Dân Đòi Trả Tên Saigon.” Tại Đại Hội Thế Giới của Phong Trào này, Linh Mục đã phát biểu (Việt Tân.org, 13.5.07):

“Kể từ ngày 2.7.76 u ám đó trong lịch sử Việt Nam, Saigon đã bị cưỡng bức thay tên đổi họ, trở thành cái tên quái đản và đầy nhục nhã. Cái tên dính đầy máu me của một kẻ sát nhân! Kẻ giết người không gớm tay trong cuộc ‘Cải Cách Ruộng Đất,’ kẻ chôn sống hàng ngàn đồng bào vô tội tại Cố Đô Huế. Ôi đau thương và ngập tràn bi hận cho số phận của Saigon được mệnh danh là Hòn Ngọc Viễn Đông!”

Trong tình cảnh uất nghẹn đó, Linh Mục ghi lại mấy lời thơ của một người đã khóc thay cho Saigon:

Tên em "Hòn Ngọc Viễn Đông"
Bị ép duyên lấy thằng chồng bất lương
Đưa em vào thế cùng đường
Phải mang tên gọi thảm thương "Thành Hồ.”

3. Chiến sĩ Đặng Chí Bình (1933 -...)

Trước đây, Đặng Chí Bình chưa bao giờ nghĩ tới có ngày ngồi viết câu chuyện "Thép Đen." Ông tự nghĩ mình nhận nhiệm vụ nhỏ bé, xâm nhập vùng đất địch rồi rơi vào tay giặc. Như vậy Ông thấy trước sau mình cũng chỉ là kẻ bất tài, thất bại, chẳng có gì đáng kể lại cho người khác. Thêm nữa, một số bạn bè thân quen còn ngăn cản đừng viết:

"Anh hãy lo cho cuộc đời của Anh trước đã, đời anh đã khổ nhiều rồi. Và lại, dù anh có cặm cụi viết ra, rồi cũng chung số phận như bao nhiêu tác phẩm khác của những người đi tù về viết lại. Người ta thờ ơ không thèm đọc. Trên xứ người, lớp trẻ còn phải lo học hành, lớp lớn phải vật lộn với cuộc sống hằng ngày và lo cho tương lai, họ đâu còn quan tâm đến những chuyện đã qua của quê hương dân tộc. Anh nên đi tìm một công việc làm nào đó là thực tế nhất.”

Nhưng rồi nhiều đêm nằm khắc khoải, tâm tư trĩu nặng, vơi đầy với bao niềm quặn thắt vẫn thất thõm không yên về quê hương đất nước. Những tiếng keng của nhà tù, đi theo gần hết cả cuộc đời, vẫn như ám ảnh Ông:

Thoảng nghe "phôn" réo bên tai,
Giật mình tưởng keng sớm mai nhà tù!

Chính đó là động lực thôi thúc Ông kể lại cuộc đời tù.

Cuốn sách dày 2000 trang chia thành 4 tập. Vì bận sinh kế gia đình, tác giả phải mất 20 năm mới hoàn thành.

Sau khi phát hành, nhiều Văn Nghệ Sĩ đã nồng nhiệt nói lên cảm tưởng chân thành về thiên hồi ký xuất sắc này.

* Như Hoa ("Tháng Tư Đen đọc lại Thép Đen của Đặng Chí Bình," T.Van & Bạn Hữu, 11.4.12): Đặng Chí Bình, sĩ quan tình báo Việt Nam Cộng Hòa hoạt động một mình tại miền Bắc năm 1962. Tác giả kể lại rất chi tiết việc được huấn luyện, rồi đưa

đi trên con thuyền nhỏ từ Đà Nẵng đổ bộ bờ biển Nghệ An theo quốc lộ 1 để tới Hà Nội. Chẳng may bị bắt giam tại Hỏa Lò 6 năm, cộng 12 năm lao động khổ sai.

Với trí nhớ phi thường, cùng lối hành văn giản dị trong sáng, kể chuyện thật không hư cấu, Cuốn sách lôi cuốn độc giả theo dõi câu chuyện từ đầu tới cuối say sưa.

Một lần bị gọi lên chấp cung, ông đã dùng thế võ học được để khóa cổ tên cán bộ rồi trốn thoát khỏi nhà tù. Nhưng bị bắt lại, công an dùng nòng súng đâm vào đầu ông làm bể sống mũi và gãy 3 cái răng.

* Thi sĩ Nguyễn Chí Thiện bày tỏ cảm tưởng: “Chúng ta được đọc khá nhiều hồi ký của những cựu tù trong chế độ cộng sản. Mỗi cuốn là một mặt của vấn đề, nhưng theo tôi, Thép Đen là trung thực nhất về những điều mà người tù mấy chục năm Đặng Chí Bình đã phải trải qua. Những sự việc được tả chân, những tâm tư được kể chân thực mà mỗi người cựu tù khi đọc đều thấy bóng dáng mình trong đó.”

* Nhà Báo Bùi Bảo Trúc (Người Việt 9.7.88) nhận xét:

“Thép Đen khủng khiếp hơn những điều Arthur Koestler viết trong cuốn ‘Bóng Tối Giữa Trưa,’ kể lại cơn ác mộng của người tù ở nhà giam thời cách mạng Liên Xô. Vì Thép Đen là câu chuyện thật mới xảy ra gần đây, độc giả tin chắc là địa ngục có thật ở ngay trần gian chúng ta đang sống.”

* Giáo Sư Đàm Trung Pháp thì hết lòng ca ngợi:

“Anh có biệt tài tả hình dáng và tính tình các nhân vật một cách ngắn gọn, từ những tên cán bộ ác ôn cho đến người còn chút lương tri, từ những bạn bè cùng cảnh ngộ và lý tưởng như anh cho đến người cộng sản còn chan chứa tình người như cô y tá Vân. Cuộc tình vô vọng nhưng tuyệt đẹp giữa người tù Đặng Chí Bình và cô y tá là một cao điểm của bộ hồi ký. Nó làm cho lòng tôi xao xuyến lạ kỳ!”

* Ý kiến của Nhà Văn Nhà Báo Đỗ Tiến Đức: “Tác giả ‘Thép Đen’ không nhận mình là nhà văn, nhưng Ông đã là nhà văn thật sự qua những tập hồi ký này. Mong tang bông hồ thi tuổi thanh xuân đã khiến người học sinh Đặng Chí Bình tình nguyện gia nhập ngành gián điệp mà chúng ta đều hiểu đó là công việc đầy hiểm nguy, mạng sống lúc nào cũng như chỉ mảnh treo chuông, bất cứ một sơ sẩy nhỏ nào cũng có thể đưa đến cái chết âm thầm không ai biết. Nhưng với tuổi trẻ đầy nhiệt huyết và say mê lý tưởng, người thanh niên ấy đã không tiếc rẻ gì cuộc sống có tương lai tươi đẹp ở miền Nam dưới chế độ cộng hòa vừa hình thành. Đặng Chí Bình ra đi và sống sót trở về để còn cảm thấy trách nhiệm làm chứng nhân cho hậu thế về cái Ác được đội lốt giải phóng dân tộc.

* Lời của Trần Nam: “‘Thép Đen’ - Thiên hồi ký của một điệp viên, một trong những chiến sĩ của bóng tối thuộc quân lực Việt Nam Cộng Hòa hoạt động tại miền Bắc và đã sa vào tay giặc. Thép Đen phô bày tất cả sự thực kinh khiếp vượt trí tưởng tượng của con người tại một vùng đất mịt mù hắc ám của loài quỷ dữ mà người viết như đội mồ sống dậy kể cho ta nghe nỗi cơ cực lầm than trong xã hội miền Bắc và cuộc đời tù đầy bi thảm của những chiến sĩ vô danh, những người đã kiên cường chiến đấu và gục ngã vì lý tưởng tự do và đại cuộc dân tộc.

Trong “Thép Đen,” Đặng Chí Bình không ngần ngại bày tỏ ý kiến về Hồ Chí Minh: “Sang Pháp năm 1911, anh ta (hcm) nộp đơn xin theo học Trường Thuộc Địa, để trở thành người phục vụ trung thành cho mẫu quốc, nhưng bị từ chối.

Rồi đi dò hỏi, tìm tòi, nghe ngóng khắp nơi. Cuối cùng nhận thấy rằng sau này dù đánh thắng thực dân Pháp, thì người lãnh đạo cũng chỉ có 1,2 nhiệm kỳ. Cho nên anh ta đi theo Marx Lenin, để nếu thành công, thì sẽ ngồi cái ghế hàng đầu cả nước mãi mãi, như một ông vua, cho đến chết mới thôi, như trường hợp Lenine, Staline, Caucescu, Honecker, Castro, Mao Trạch Đông, Kim Nhật Thành...

Đến đây ai cũng thấy hàng ngũ lãnh tụ cộng sản là những người mang nặng chủ nghĩa cá nhân cao nhất, núp sau cái bình phong tập thể là nhân dân.

Điều này lý giải tại sao họ phải thanh toán tất cả những cá nhân, đoàn thể không phải là cộng sản. Vì vậy mà hằng chục năm qua, biết bao nhiêu người con ưu tú của Tổ Quốc bị chúng hạ sát, thủ tiêu một cách tức tưởi đau thương.

Hồ là người đánh mất trái tim, mất hết tình cảm. Không bao giờ nhắc đến cha mẹ, anh chị em, bạn bè, vợ con hay nhân tình.

Còn nữa, anh ta tự lấy tên giả để viết ca tụng đạo đức tài ba của chính mình như T.Lan, Trần Dân Tiên...

Con người như thế thì có thể làm bất cứ chuyện xấu xa nào. Lừa lọc, lật lọng, gian trá, dâm loạn, giết người không gớm tay để đạt mục đích thâm sâu. Sẵn sàng ăn cháo đá bát, quên ơn quên nghĩa như đầu tổ chặt đầu bà Cát Hanh Long.”

Tâm tư tác giả khi in lại “Thép Đen”:

(Năm 1987: phát hành tập 1 và 2; 1992: tập 3; 2003: tập 4)

Suốt 15 năm, hơn 300 lá thư độc giả nói về “Thép Đen.” Nhiều đài phát thanh diễn đọc, cả băng audio, video và đĩa CD. Trong đó có người sửa cho tôi số nhà ở phố Hàng Bạc. Một cô nhận là vợ trung tá, cho tôi biết rõ nhiều chi tiết của sự việc ngày ấy... Nhiều vị hỏi cô Vân bây giờ ra sao?

Nếu quý độc giả muốn biết về cô Vân một phần, thì tôi muốn biết đến một trăm phần, và không phải chỉ có cô ấy mà là tất cả cảnh cũ người xưa của 40 năm trước.

Tôi khát khao được nhìn thấy cô Vân để tìm xem cô còn có những nét gì ngày xưa, và cô còn nhớ tôi không. Tôi cũng mong muốn được tay bắt mặt mừng với những bạn tù, nếu họ còn sống, để ôn lại những ngày bị đọa đày.

Gần 20 năm, tôi chưa về được, nhưng rất may mắn, một vị linh mục cùng độc giả trẻ đã lần theo giai đoạn của Thép Đen để đến tận nơi, ghi lại bằng hình ảnh, và quý nhất, hai anh chị bạn đã gặp “người muôn năm cũ” của đất Hưng Yên, còn thu vào băng hình video mang về cho tôi.

Xin quý vị tha lỗi, nếu tôi nói rằng, không ai có thể hiểu hết tôi sung sướng đến mức độ nào! Suốt mấy tháng trời, tôi như sống trở lại những ngày xưa ấy, chỉ trừ không có xà lim và cái cùm.

Để đền đáp sự đón nhận nhiệt thành của độc giả, tôi quyết định cho tái bản với sự bổ sung một số hình ảnh mới có được.

Dặng Chí Bình chu du nhiều nơi để giới thiệu sách. Khi qua Úc, một độc giả hỏi ông có hề liên lạc với cô Vân không. Ông chân thực trả lời:

- Tôi đã nói chuyện điện thoại với cô nhiều lần. Cả nhà đều biết. Một bữa nọ, đưa con gái lớn trịnh trọng nói với tôi: Ba ạ! Mẹ cùng mấy chị em con suy nghĩ kỹ rồi và chấp thuận cho Ba đi theo cô Vân. Nhưng Ông không thể rũ áo rời xa vợ con được vì vẫn còn nặng nợ gia đình.

4. Phóng Viên Kiều Mỹ Duyên (1940 - ...)

Kiều Mỹ Duyên có năng khiếu viết văn từ lúc 10 tuổi; được Cô giáo khen ngợi rồi gửi đăng trên báo Thiếu Nhi ở Saigon, được trả tiền nhuận bút hẳn hoi.

Từ 1964, làm phóng viên chuyên viết ký sự chiến trường qua mục “Người Yêu của Lính.”

1990, xuất bản cuốn sách “Chinh Chiến Điều Linh.” Chị tâm sự:

"Trước 75, là phóng viên chiến trường, tôi có dịp theo bước chân hành quân của các chiến sĩ miền Nam khắp bốn vùng chiến thuật. Hơn mười năm làm báo, tôi đã viết về sự can đảm, hào hùng, gian khổ và hy sinh của người lính. Ngày hôm nay, trong lòng tôi, những hình ảnh oai hùng của các anh vẫn không bao giờ phai nhạt. Cuốn sách như một đóa hồng nhỏ gửi đến tất cả chiến sĩ quân lực Việt Nam Cộng Hòa để tri ân và để tưởng niệm những người đã đi vào lòng đất mẹ."

Kiều Mỹ Duyên từng di hành qua nhiều địa danh nổi tiếng trong suốt cuộc chiến. Trả lời ký giả Mặc Lâm của Đài Á Châu Tự Do ngày 23.11.2008, Chị nói: “ ‘Chinh Chiến Điều Linh’ kể về những trận đánh khốc liệt trên khắp cả nước, hơn 20 bài viết thuật lại những hình ảnh thật, người thật, việc thật của Mùa Hè Đỏ Lửa, chiến sự ở Cổ Thành Quảng Trị, Huế, An Lộc, Cao Nguyên và vùng ba biên giới.”

Kiều Mỹ Duyên tâm tình:

"Tôi thương cái nghèo của miền Trung và kính phục sự vương lên mãnh liệt của người dân ở vùng này. Mùa hè 1972, tôi có mặt tại chiến trường Trị Thiên để chính mắt quan sát và ghi lại một số trận đánh lẫy lừng của những chiến sĩ can trường đang trấn giữ vùng địa đầu.

Huế là trái tim của miền Trung. Huế thật là Huế trong những năm đầu thập niên 60. Đó mới là thời gian Huế với áo dài Đồng Khánh thướt tha, với Cầu Trường Tiền nghiêng bóng trên sông Hương, với Núi Ngự Bình, Chùa Thiên Mụ, với những món ăn độc đáo, ngọt ngào và quyến rũ như giọng nói của người con gái Huế. Huế cổ kính nghiêm khắc nên Huế có những địa danh thơ mộng và kín đáo cho những cặp tình nhân hẹn hò.

"Xa xa về phía Bắc, gần cầu Bến Hải là Cổ Thành Quảng Trị, nơi bị cộng quân bao vây mấy tháng trời. Quân đội miền Nam đang phản công tái chiếm. Trung Tá Nguyễn Chí Hiếu, người anh Cả của Tiểu Đoàn 5 Nhảy Dù đảm trách nhiệm vụ khó khăn này.

Ông quyết định cho một toán cảm tử vào thành để lập đầu cầu. 8 binh sĩ thiện chiến gan dạ được tuyển chọn. Ông mạnh dạn thăng trước cho mỗi người hai cấp. Dù biết đó là ngoài quyền hạn của mình, nhưng Ông cũng như mọi người đều hiểu rằng:

những kẻ ra đi trong đêm nay, chỉ có mấy phần trăm hy vọng sống sót trở về. Đêm 24.7.72, 8 chiến sĩ phải vượt qua đoạn đường 300 thước, từ điểm xuất phát đến chân bờ thành, đó là vòng đai của tử thần với mạng lưới hỏa lực dày đặc bao phủ, khiến người ta có cảm tưởng nếu một con thỏ từ ngoài chạy vào, nó sẽ trúng đạn trước khi đụng đến bờ thành.

Trong bóng đêm, toán quyết tử lặng lẽ khởi hành. Họ ra đi như Tráng sĩ Kinh Kha thuở nào. Sông Dịch Thủy dù có rộng nhưng vẫn dễ qua hơn 300 thước đất trống trước mặt. Chín bậc thuyền rồng của Tần vương tuy có cao nhưng dễ lên hơn 5 mét tường thành cổ.

Họ mát hút vào màn đêm rất nhanh. Đòng đội đằng sau dõi mắt trông chờ. Thời gian như ngừng lại. Nỗi khắc khoải đợi chờ...

"Rồi bất chợt hiện ra, ngay hướng 8 người vừa tiến vào, trên mặt thành, có cái gì chập chờn phát phới. Từ ngoài xa, một người tinh mắt nhìn thấy rồi la lên: - Lá Cờ!
"Trong cái tĩnh mịch của màn đêm nơi chiến địa, bên tai của những người đang ghì chặt tay súng, bỗng nghe tiếng hô đồng dục từ trên bờ thành vang dội:

Nhảy Dù Cố Gắng!
Nhảy Dù Chiến Thắng!

Ngày hôm nay đọc lại trận tái chiếm này, bỗng dưng lòng dạt dào, như có cái gì thôi thúc để hát bài "Cờ Ta Bay Trên Quảng Trị Thân Yêu" mà Nhạc Sĩ Trần Chí Phúc cho biết do Tô Kiều Ngân và Trương Hoàng Xuân sáng tác:

Cờ bay. Cờ bay oai hùng trên thành phố thân yêu.

Vừa chiếm lại đêm qua bằng máu.

Cờ bay. Cờ bay tung trời ta về với quê hương

Từng ngóng đợi quân ta tiến về

Ta ôm nhau mắt lệ nghẹn ngào quỳ hôn đất thân yêu

Quảng Trị ơi, chào quê hương giải phóng

Hồi sinh rồi này Mẹ này em

Vui hôm nay qua đêm đen tìm thấy ánh mặt trời

Đi lên. Đi lên trong hoang tàn ta xây dựng ngày mai

Nhà vươn lên người vươn lên

Quân bên dân xây tin yêu đời mới

Đón nhau về, anh bên em về Gio Linh, Cam Lộ, Đông Hà

Sạch bóng thù, đồng ta xanh thắm nắng mới

Vang câu hát tự do...

Tôi Mỹ năm 1976, Kiều Mỹ Duyên vẫn hăng say hoạt động. 1982, tốt nghiệp Cử Nhân Báo Chí, Chính Trị và Địa Ốc, California State University of Fullerton.

Hành nghề chuyên viên địa ốc tại California. Chủ Tịch công ty "Ana Real Estate."

Bận rộn, làm việc 17 giờ mỗi ngày, từ 6 am đến 11 pm. Hằng tuần, Chị vẫn gửi bài đăng báo.

Trong thời gian vài năm, riêng Việt Báo đã đăng 130 bài của Chị. Qua đó, người đọc hiểu rằng tuy xa quê hương, nhà văn nhà báo Kiều Mỹ Duyên vẫn luôn ôm ấp và cầu nguyện cho Việt Nam sớm có Tự do, Dân chủ, Nhân quyền như hàng trăm nước văn minh tiến bộ trên khắp địa cầu.

Năm 2022, xuất bản thêm tác phẩm “Hoa Cỏ Bên Đường” bao gồm những bút ký, tạp ghi về sinh hoạt cộng đồng Việt Nam tại Hoa Kỳ trong thời gian qua. Trước khi phát hành, sách được cả tá văn thi sĩ viết bài giới thiệu.

Giáo Sư Nguyễn Tường Tuấn nhận định (Giới Thiệu “Hoa Cỏ Bên Đường,” viendongdaily.com):

“Kiều Mỹ Duyên không ngồi tại văn phòng tiện nghi ở Saigon để viết phóng sự. Chị mặc áo giáp, theo từng chuyến bay ra mặt trận. Những bài tường thuật của Chị là nhân chứng hào hùng cho tuổi trẻ chúng tôi, trong trận chiến bi thương, tàn khốc và bất công.

“Người lính Việt Nam Cộng Hòa hứng chịu mọi bất công nhất của thế giới tự do. Họ chiến đấu chống lại chủ nghĩa cộng sản độc ác mà cả thế giới xa lánh. Nhưng đám phóng viên báo chí, truyền thông Mỹ lại im hơi lặng tiếng. Họ không như Tổng Thống Eisenhower vinh danh Việt Nam Cộng Hòa là thành trì chống Cộng. Trong nỗi cô đơn tội nghiệp đó, Kiều Mỹ Duyên đã trở thành ‘Tiếng nói cho những người không tiếng nói.’ ”

Với văn phong bình dị, không cầu kỳ hay hư cấu, tác phẩm của Kiều Mỹ Duyên được đón nhận nồng nhiệt khắp nơi. Ngay cả một độc giả xa xôi chưa hề diện kiến, cũng mạnh dạn bày tỏ cảm xúc khi đọc “Hoa Cỏ Bên Đường.” Nơi đây xin trích lại mấy lời mộc mạc thô thiển đó:

“Vừa đọc xong ‘Hoa Cỏ Bên Đường’ với nỗi niềm xúc động sâu xa về những dòng tâm sự, những hình ảnh thân thương cùng những chuyện kể chân phương suốt dọc đường Chị đã đi qua. Cảm ơn Chị đem đến cho mọi người đoạn phim dài mà nếu ai chưa kịp thưởng thức thì thật là uống phí.”

Qua gần 500 trang giấy, Chị chia sẻ là cả nỗi lòng tâm huyết của một người đã bày tỏ đầy đủ nhân nghĩa lễ trí tín với cha mẹ, gia đình, bạn bè, đồng bào, quê hương đất nước cũng như các nhân vật nổi tiếng khắp thế giới mà Chị may mắn có cơ duyên tri ngộ.

Biết bao người Chị nhắc nhở, hầu như ai cũng đẹp, cũng hiền từ nhân hậu. Nhưng hình ảnh đáng trân trọng nhất chính là Người Mẹ thương yêu của Chị. Ôi chao! Câu chuyện của Mẹ càng đọc càng muốn chảy nước mắt khiến ít có ai tránh khỏi ngậm ngùi cho cuộc đời trầm luân gian khổ của Mẹ mình.

Nhìn Mẹ Chị nhỏ nhắn ốm o vẫn cố hết sức gồng gánh cả đời cho chồng cho con mà thương Mẹ quá Mẹ Việt Nam ơi!

Tâm đắc nhất là triết lý của Bà Cụ: “Người ta ăn thì còn, mình ăn thì hết” mà nhiều Bà Mẹ Việt Nam thường khuyên dạy con trong cư xử với đời.

Mẹ Chị là Người Mẹ đảm đang biết liệu biết lo để cùng chồng đưa đẩy đàn con vượt qua bao khó khăn trong thời chinh chiến.

Tám hình Mẹ oằn lưng gánh nước cho tân binh quân dịch uống lễ ra nên đưa lên trang đầu tập sách, vì nhìn vào cho kỹ sẽ đánh động mọi người, nhất là giới trẻ, về tình thương yêu Mẹ để rồi tự nhủ lòng phải làm gì xứng đáng với công ơn cao dày như biển như trời của Mẹ.

Chị cũng không quên phụ họa Con Cò lặn lội bờ sông... làm tăng thêm cái cao cả hy sinh nhân nhục của Mẹ, cả một đời thức khuya dậy sớm để bảo bọc con mang lũ con

cháu đại khờ. Trời xanh hiểu thấu, trời xanh có mắt nên đã cho Mẹ ra đi trong an bình thanh thản. Cầu nguyện Mẫu Thân Chị thông dong nơi chốn Nước Trời.

Cuốn sách với nhiều hình ảnh phỏng vấn các nhà lãnh đạo chính trị và tôn giáo khắp thế giới chắc chắn sẽ là tư liệu vô cùng quý giá cho mọi người để hiểu rõ đường lối và suy nghĩ của những bậc danh tiếng quyền uy một thời. Chị khéo léo đưa ra thắc mắc của hàng triệu người Việt Nam về viễn ảnh tự do cho đất nước:

- Bao giờ Việt Nam thoát khỏi ách cộng sản?

Nhờ vậy mà chúng ta biết được câu trả lời của Cựu Tổng Bí Thư Đảng Cộng Sản Liên Xô Gorbachev:

- "Chừng nào Trung Quốc có tự do thì Việt Nam mới có tự do."

Rồi Đại Lão Hòa Thượng Thích Tâm Châu cũng như Hòa Thượng Thích Quảng Thanh cho hay là nhà cầm quyền cộng sản nhiều lần mời mọc về thăm quê hương nhưng Quý Ngài khẳng khái đáp lại: "Chỉ trở về khi đất nước có tự do thực sự."

Thương thay Linh Mục Nguyễn Hà Thanh đời thường ít nói nhưng ở đâu có biểu tình chống Cộng là Cha xông xáo đi đầu. Tổng Thống Thiệu từng ao ước giá chi mà miền Nam có nhiều vị lãnh đạo tinh thần như Cha Nguyễn Hà Thanh thì quý hóa cho đất nước biết chừng nào.

Gần cả đời Chị đã đem công sức tâm huyết góp phần vào đại cuộc. Phải chăng ở hiền gặp lành nên đi đâu Chị cũng được đón tiếp nồng hậu, đặc biệt là đồng hương bên Phần Lan xa xôi lạnh lẽo vẫn vui vẻ mời cơm mời nước chẳng chút quản ngại nhọc nhằn.

Cảm ơn Cô Giáo Trường Lý Thường Kiệt sáng suốt phát hiện tài năng thiên phú nơi học trò Nguyễn Thị Ân ngay từ lớp 7 để đề cử làm chủ nhiệm tờ báo của trường. Nhờ vậy mà Chị tiến lên những bước dài mãi tận hôm nay.

Nói một cách tổng thể, về hình thức lẫn nội dung, "Hoa Cỏ Bên Đường" đã mang lại món ăn tinh thần quý hiếm trong thời buổi vất vả đầu tắt mặt tối cho việc mưu sinh hằng ngày hiện nay.

5. Thi sĩ Hữu Loan (1916 - 2010)

Nhà Báo Lê Thọ Bình cho hay: Hữu Loan sinh ra trong gia đình tá điền nghèo nàn, không có cơ may cấp sách đến trường, học bữa được bữa không tại nhà do cha dạy dỗ. Năm 1938, ông vác lều chõng ra Hà Nội đua tài, chẳng phải ham mộng làm quan, mà là để chứng minh cho đám nhà giàu thấy rằng, con tá điền không được đến trường vẫn đỗ đạt như chơi. Đám sĩ tử kinh thành, từ chỗ nhìn ông bằng "nửa con mắt" khi bước vào trường thi, đến "tròn con mắt" khi thấy tên ông trên bảng vàng.

Sau nhiều ngày tham gia kháng chiến, chán ngán cảnh đấu đá nhau, đứng giữa sân trụ sở làm việc, ông bẻ đôi chiếc bút, vứt vào sọt rác. "Ông đếch làm việc với chúng mày nữa, bỏ về quê đi thò đá bán lấy tiền nuôi mười đứa con cho đến ngày trút hơi thở cuối cùng."

** Theo Văn Toàn (Huỳnh Ngọc Chênh blog): Trong thời kỳ kháng chiến, có gia đình địa chủ hay giúp đỡ tiền bạc, thực phẩm cho đơn vị của Hữu Loan. Nhưng đến 1953*

thì cả hai Ông bà bị đầu tó. Họ bị đội phóng tay phát động quần chúng đem ra cho dân xi vả, rồi chôn xuống đất, chỉ để hở hai cái đầu lên. Xong bắt trâu kéo bừa đi qua đi lại hai cái đầu cho đến chết. Còn lại cô con gái. Họ cấm tất cả mọi người không được nuôi dưỡng hay kết hôn con nhà địa chủ.

Hữu Loan thấy thế bực quá, mới bỏ về, đi qua làng ấy, ghé vào thăm, biết ông bà cụ bị giết hết rồi, cô con gái không ai dám chứa chấp, phải làm lũi bươi mót sẵn khoai ngoài đồng, ăn sống qua ngày, quần áo rách rưới, bản thủ, ngủ đầu đường xó chợ, chui trong am miếu, đình làng. Ông thấy thế, thương hại, đem về nuôi, rồi lấy làm vợ, bắt chấp lệnh cấm.

Nhạc Sĩ Trịnh Hưng đã ghi lại bút ký "Hữu Loan và Bài Thơ Bất Hủ," (Việt Luận, 3.4.09):

"Sau hơn 50 năm xa cách, từ nước ngoài tôi cố vượt đường xa tìm về thăm người anh kết nghĩa trong những năm kháng Pháp.

Người lái xe ôm đưa tôi đến trước cổng căn nhà rộng chừng 3 mét. Anh gọi to:

- Cụ Tú ơi! Ra có khách lạ ở xa đến thăm đây này.
- O! Tôi ra ngay đây.

Một ông già cao lớn, tóc bạc trắng, dáng dấp khỏe mạnh, nhanh nhẹn chạy ra. Ông cụ mở cánh cổng được buộc bằng dây thừng và đứng sững nhìn anh em tôi ra vẻ ngạc nhiên, dò xét:

- Thưa các ông là ai, các ông muốn gặp tôi có việc gì không? Tôi hiểu anh chịu quản thúc tại gia mấy chục năm nên bị cô lập, bây giờ thấy người lạ là đâm ra nghi ngờ. Thấy thế, tôi vội chạy đến ôm anh.
- Em là Trịnh Hưng. Những năm kháng chiến, anh hay lại chơi, uống rượu với anh rể em. Có lần anh dẫn em và anh Quang Dũng vào Nông Cống thăm mộ Chị Ninh.

Nhắc lại kỷ niệm xưa, anh mừng và nắm chặt tay tôi.

- Chủ là Hưng đánh đàn guitar. Anh nhớ ra rồi. Chủ ở đâu về và làm gì mà tới bây giờ mới đến gặp anh?
- Sau 1952, bỏ kháng chiến, em theo anh Trần Chánh Thành về Hà Nội rồi di cư vào Nam, sống với nghề sáng tác nhạc và dạy học. Năm 82, con trai em bị bắt đi nghĩa vụ ở Cao Miên. Nó đào ngũ trốn được 3 năm rồi bị công an bắt nhốt một đêm, tới sáng thì chết. Em uất ức nên sáng tác bài "Ta Quyết Tâm Giết Lũ Hồ" nhằm lên án cộng sản tàn ác. Chúng đưa đi "cải tạo" hết 8 năm.

Cùng uống cạn ly rượu bỏ mừng tuổi, hơi men bốc lên, anh buộc miệng chửi đổng:

- Mả cha thằng Hồ tặc, cái thằng hít địt đó chết rồi mà còn giết hại bao nhiêu người vô tội và làm hại đất nước tổ tiên.

Nhìn quanh nhà, thấy cảnh đơn chiếc mà chạnh lòng. Mắt tôi chạm phải hai câu thơ:

Chào người Màu Tím Hoa Sim

Chào chòm râu bạc đi tìm ban sơ

Tôi nói cho anh biết "Màu Tím Hoa Sim" đã trở thành bất tử, không những được nhiều nhạc sĩ miền Nam phổ nhạc, mà ở hải ngoại, người tị nạn vẫn hát và thu đĩa để bán. Nhân tiện, tôi cũng trao anh số tiền của hai nhà thơ hải ngoại gửi tặng anh với tất cả tấm lòng ngưỡng mộ.

Hôm ấy anh kể lại chuyện xưa:

"Thuở còn bậc trung học, anh hay tới cửa hàng Bà Tham Kỳ đọc sách. Rồi sau đó được Bà mời làm gia sư cho mấy đứa con. Ngày anh bước chân vào thì Bà Kỳ sinh cô Ninh ở nhà hộ sinh. Anh xin phép vào thăm, bế lên nâng niu. Cô bé mới ra đời hai ngày mà cứ nhìn anh cười."

Nhà Văn Đoàn Dự, thuật lại lời của Thi Sĩ ("Hữu Loan và bài thơ Màu Tím Hoa Sim," Văn Nghệ, 22.5.08):

"Tròn tám tuổi, ngày đầu tiên bắt đầu đi học, cô Ninh khoanh tay cúi đầu: 'Em chào Thầy ạ!' Lúc ấy cô bé mở to đôi mắt nhìn tôi. Đôi mắt to, đen láy, tròn xoe như có ánh chớp ấy hăm sâu vào tâm trí tôi, theo tôi suốt cả cuộc đời."

Một lần tôi kể chuyện em 'nói năng như bà cụ non' cho hai người anh, em nghe được rồi phát giận, nằm lì trong buồng không chịu học. Bà Tham dẫn tôi vào phòng nơi em đang thiếp đi. Thế là, 'giận thì giận mà thương thì thương,' em ngồi dậy, ăn hết tô cháo gà. Rồi nằng nặc đòi tôi đưa lên khu rừng thông. Sợ em lại giận, tôi xin Ông Bà Kỳ đưa em đi. Xe kéo chừng một giờ mới chạm chân đồi. Em leo dốc nhanh như sóc.

Lên tới đỉnh, em bảo tôi ngồi nghỉ bên em. Bất chợt em hỏi:

- Thầy có thích ăn sim không?

Nhìn xuống dưới, tím ngắt một màu sim. Em đứng lên, đi xuống sườn đồi. Còn tôi vì mệt quá nên nằm thiếp trên thảm cỏ. Tỉnh dậy, em đã ngồi bên cạnh với chiếc nón dầy ắp sim. Những quả sim đen nhánh, chín mọng.

- Thầy ăn đi!

Tôi cầm trái sim từ tay em đưa lên miệng và trâm trồ:

- Ngọt quá!

Cứ thế, chúng tôi ăn hết quả này đến quả khác. Tôi nhìn em, em cười. Hai hàm răng đỏ tím, đôi môi cũng đỏ tím, hai bên má thì... Tím đó một màu sim.

Hữu Loan cũng tâm sự thêm với Trịnh Hưng:

"Sau lần đi chơi đồi sim, cô học trò luôn quấn quýt bên anh. Nhưng vì tình hình đất nước, anh phải lên đường tòng quân, rời xa người em bé bỏng thơ ngây. Ninh ngày càng xinh đẹp, vẫn khắc khoải đợi chờ.

Đến lúc cô vừa tròn 16 tuổi, Hữu Loan về thăm, trai tài gái sắc, mừng mừng tủi tủi, quyến luyến bên nhau. Ông Bà Kỳ lo tổ chức lễ cưới cho đôi trẻ. Rất đơn giản dù gia đình giàu có. Cô dâu không may áo cưới, còn chú rể mặc quần áo nhà binh, đôi giày đinh bê bết bụi đường.

Cưới nhau xong năm ngày là anh lại đi. Vài hôm sau, cô Ninh ra sông Nông Cống giặt quần áo, không ngờ nước sông chảy xiết, cô trượt chân té xuống nước, bị cuốn trôi đi. Chờ ba ngày, dân thuyền chài mới vớt được xác.

Mãi hai tháng sau, trong lúc đang ngồi uống trà tại một quán nhỏ, anh mới hay tin người vợ trẻ ở nhà đã chết. Sa sầm nét mặt, da tái xanh, người run rẩy làm đổ cả ly nước đang cầm trên tay. Anh vội vàng đạp xe về nhà, thấy Bà Kỳ đang ngồi khóc bên mộ con gái. Chiếc bình hoa ngày cưới nay thành bình hương trên mộ chí."

*Trở về đơn vị, như người mất hồn. Niềm đau tuôn trào, anh viết một mạch bài thơ
"Màu Tím Hoa Sim" trong hai tiếng đồng hồ.*

Xin mời đọc hay hát lại bản nhạc của Song Ngọc (?):

Nàng có ba người anh đi quân đội (?)

Những đứa em nàng, có em chưa biết nói

Khi tóc nàng xanh xanh

...